

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/10/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+TD2+P2	7:25	1+8+13	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
2		P10	7:25	22	0		22	0	
3		P9+BK8	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
4		TTC2+P5+P11	9:25	2+8+12	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
5		BK3+P9+P4	9:25	9+8+3	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
6		BK4+P2	9:25	10+12	0+0		5+17	0+0	
7		BK15+P10	11:25	15+3	0+0		8+14	0+0	
8		BK6+BK10	11:25	15+5	0+0		15+6	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ CÁC ĐIỂM P1, CTK3, P2, P8, BK8 TÀU EXPRESS ĐÓN VÀO NGÀY 6/10, CÁC GIÀN CHÚ Ý LIÊN LẠC.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: JS2 - TD2 - P2	CREW: Thanh - CHIẾN - ĐNam - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUY TOA	JS2	52	1	10		60	D-HANH	Vietnamese
2	TOIB R.R	TD2	96	1	5		100	KHOAN	Russian
3	FOK S.I	TD2	98	1	5		131	KHOAN	Russian
4	RUBAYLO D.V	TD2	94	1	7		100	KHOAN	Russian
5	ZHARKOV A.V	TD2	91	1	5	15	122	KHOAN	Russian
6	LE TIEN DUNG	TD2	92	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH CHI CÔNG	TD2	93	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUU HUNG	TD2	95	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM THANH BINH	TD2	92	1	7		85	ANTOAN	Vietnamese
10	PARSHIN	P2	09	1	15		85	KH-THAC	Russian
11	PHAN ANH ĐỨC	P2	04-05	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐANG	P2	02	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM XUAN VINH PHUC	P2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
15	BIỆN ĐANG SÂM	P2	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH ỨT	P2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG THANH TRUNG	P2	10	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRI HAO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ XUÂN TUÂN	P2	03	1	5	75	75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAC ĐỨC HUY	P2	06	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THO DUNG	P2	11	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG QUOC VIEN	P2	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	1	1	10	60	0	0		
2	TD2	8	8	49	740	15	6		
3	P2	13	12	80	893	75	16		
TOTAL		22	21	139	1.693	90	22		
WEIGHT KG				139	1.693	90			

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2019	TO: P10	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Trường - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADIKOV M.F.	P10	72	1	4	50	69	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN THẮNG	P10	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHANH	P10	68	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	71	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CÔNG VĂN	P10	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẬU THẾ HAI	P10	74	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	66	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	67	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ HUNG	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	70	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ BẢO TRUNG	P10	76	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THẢO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	64	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	75	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	65	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỮU TRI	P10					65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	73	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	62	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN BẢO TOÀN	P10	78-79	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	83	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	19	101	1.590	50	22		
TOTAL		22	19	101	1.590	50	22		
WEIGHT KG				101	1.590	50			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P9 - BK8	CREW: Vậ - DUONG - MẠNH -	ETA: 09:20
VANG-1		DTùng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÀ THANH	P9	15	1	4	60	69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN QUÊ	P9	27	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH HAI	P9	16	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TAM THỦY	P9	17	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	18	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG THÈ DỪNG	P9	23	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ LĂNG TÚ	P9	22	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	25-26	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN LINH	P9	31	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
10	VU NAM GIANG	P9	12-13	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	11	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	09	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH THÈ NHAN	P9	30	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	08	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	73	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUY	P9	24	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU TRÍ	P9	29	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	20-21	2	11		76	KH-THAC	Vietnamese
19	HƯA SAY	P9	28	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI CÔNG THẮNG	P9	19	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	14	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	10	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	25	123	1.509	60	15		
2	BK8	0	0	0	0	40	7		
TOTAL		22	25	123	1.509	100	22		
WEIGHT KG				123	1.509	100			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: TTC2 - P5 - P11	CREW: Thanh - CHIẾN - ĐNam - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH QUANG	TTC2	94	1	10	10	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÙNG	TTC2	93	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN THANH TÙNG	P5	07	1	6		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HỒNG HÂN	P5	03-04	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VĂN THIẾT	P5	05	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
6	CU VIỆT LONG	P5	01	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÙNG	P5	02	1	12	40	74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P5	08	1	5		55	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P5	06	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VĂN CHUNG	P5	09-10	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	P11	67	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CỎ	P11	59	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC ANH	P11	61	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CÔNG LAN	P11	58	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN TUÂN	P11					50	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO MINH HOANG	P11	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KIM NGỌC	P11	63	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	P11	64	1	5	35	60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P11	65	1	3	50	64	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	62	1	3		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P11	57	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

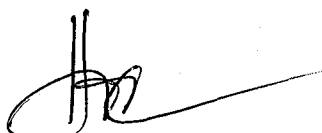
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	2	2	20	150	10	0		
2	P5	8	10	81	547	40	8		
3	P11	12	11	49	768	85	14		
TOTAL		22	23	150	1.465	135	22		
WEIGHT KG				150	1.465	135			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: BK3 - P9 - P4	CREW: Khang - MTuân - Trường - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN PHONG	BK3	33	1	7	40	61	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ CÔNG ANH	BK3	700	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CÔNG VINH	BK3	96	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO TUÂN VIỆT	BK3	300	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ MINH ĐỨC	BK3	51	1	14		96	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỒNG LINH	BK3	36	1	7	73	79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN DUY KHANH	BK3	52-53	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THAI SƠN	BK3	54	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC MÃN	BK3	50	1	3		59	PSV	Vietnamese
10	TRINH HUY KHIÊM	P9	12	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	37	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	HUỲNH BA NINH	P9	47	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LANG	P9	38	1	12	10	64	T-TIN	Vietnamese
14	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	34-35	2	12		50	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SA	P9	11	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P9	36	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC KHƯƠNG	P4	05	1	3	20	60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	06	1	5		75	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P4	09	1	5		59	PSV	Vietnamese
20	ĐẠO AN TUÂN	P4	07	1	7		51	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC CÔNG	P4	08	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	9	10	72	657	113	4		
2	P9	7	8	55	452	10	13		
3	P4	5	5	29	320	20	5		
TOTAL		21	23	156	1.429	143	22		
WEIGHT KG				156	1.429	143			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: BK4 - P2	CREW: Vận - DUONG - MẠNH -	ETA: 11:30
VANG-2		DTùng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOVA	BK4	33	1	7		78	KH-THAC	Russian
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	35	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4	31	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK4	39	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG THẾ VINH	BK4	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SOAI	BK4	38	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	BK4	32	1	5	40	67	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ ĐÌNH TUYẾN	BK4	40	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ CHIẾN THẮNG	BK4	36	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	34	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THU	P2	25-26	2	6		62	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	29	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH XANH	P2	27	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN HỘI	P2	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUANG TẾ	P2	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	32	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THAI BÌNH	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG MINH QUÂN	P2	22	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC PHƯƠNG	P2	31	1	8	20	63	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN THANH LÂM	P2	34	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	P2	23	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CUÔNG	P2	24	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	10	10	53	717	40	5		
2	P2	12	12	63	776	20	17		
TOTAL		22	22	116	1.493	60	22		
WEIGHT KG				116	1.493	60			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2019	TO: BK15 - P10	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Thanh - CHIẾN - Luy	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	BK15	20	1	5	55	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	22	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU TIẾN THANH	BK15	21	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOANG	BK15	24	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRỌNG	BK15	37-38	2	14	74	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TAM	BK15	19	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN TRƯỞNG	BK15	40	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TIẾP	BK15	52	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	BK15	28	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ THANH HIẾU	BK15	23	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG ANH TÚ	BK15	27	1	5		80	NIPI	Vietnamese
12	PHAN ĐÌNH CƯỜNG	BK15	55-56	2	17		73	NIPI	Vietnamese
13	BUI KHÁC HÙNG	BK15	18,54	2	12		60	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	53	1	9		74	PSV	Vietnamese
15	SYSTEROV	BK15	25-26	2	10		80	KH-THAC	Russian
16	ĐO TRƯỞNG THỊNH	P10	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG BÀ DIỆU	P10	44	1	4		59	YTE	Vietnamese
18	PHAN XUÂN VŨ	P10	100	1	9		67	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

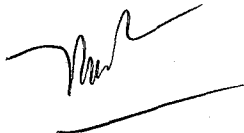
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	15	19	151	1.085	129	8		
2	P10	3	3	18	196	0	14		
TOTAL		18	22	169	1.281	129	22		
WEIGHT KG				169	1.281	129			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	TO: BK6 - BK10	CREW: Khang - MTuấn - Toan	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	BK6	85	1	15		77	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO VĂN KHÔI	BK6	91	1	8		54	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG KHOAI	BK6	81	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ TRỌNG VĂN	BK6	86-87	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	BK6	78	1	8	40	52	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRẦN VINH	BK6	82	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ CÔNG NAM	BK6	74	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO QUỐC HÙNG	BK6	80	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT LINH	BK6	75	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN LẬP	BK6	84	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC THỌ	BK6	79	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN KHANH	BK6	89-90	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	HOA QUANG THẮNG	BK6	76-77	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
14	HÀ XUÂN ĐẠT	BK6	88	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN SĨ HẢI	BK6	83	1	9		52	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	62	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	63	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CHÂU NAM	BK10	65	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
19	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	64	1	4	45	58	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI CAO ĐỊNH	BK10	60-61	2	12		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	15	18	182	940	40	15		
2	BK10	5	6	43	336	45	7		
TOTAL		20	24	225	1.276	85	22		
WEIGHT KG				225	1.276	85			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
2		CU	7:25	21	0		22	0	
3		CU+TTC2	7:25	21+0	0+0		18+4	0+0	
4		CTK3+BK16+RC5	7:25	13+9+0	0+0+0		10+5+7	0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-BK16
5		PPD+TD2+TD5	9:25	13+5+1	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
6		CTK3+BK5+CNV	9:25	22+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
7		P3+P1+PPD	9:25	4+0+10	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
8		AMD	11:25	15	0		22	0	
9		GTCl+BK16+CTK3	11:25	9+0+12	0+0+0		5+0+17	0+0+0	CHUYEN 3 BK16-CTK3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
3 NGUOI ĐI ĐI BK16 CHUYẾN 1 CHUYẾN SANG CTK3 CHUYẾN CUỐI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: HHai - TRƯỜNG	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH HIU NGHIA	T.UNG	84	1	10		78	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TUAN	T.UNG	82	1	5		82	PVD	Vietnamese
3	VO TUAN MANH	T.UNG					70	PVD	Vietnamese
4	ZELENSKY	T.UNG	87	1	9		77	KH-THAC	Russian
5	PHAM VAN THI	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG HOA	T.UNG	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	KIEU XUAN TAM	T.UNG	88	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
8	DAO DUY TU	T.UNG	77-78	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG VAN TRON	T.UNG	80	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU DUY DUNG	T.UNG	79	1	5	55	68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HO DINH HUY	T.UNG	90	1	5	35	60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM TUAN SON	T.UNG	73-74	2	8	12	74	CODIEN	Vietnamese
15	DO MINH HOI	T.UNG	89	1	4		72	PSV	Vietnamese
16	DO DANG THANH	T.UNG	85	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUANG	T.UNG					68	PSV	Vietnamese
18	PHAM HUNG SON	T.UNG	86	1	12		60	PSV	Vietnamese
19	HA VAN THIEU	T.UNG	76	1	3		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	18	106	1.318	102	19		
	TOTAL	19	18	106	1.318	102	19		
	WEIGHT KG			106	1.318	102			

GRAND TOAL: 1.526 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: CLI	CREW: Vận - KHOÀN - Trường	ETA: 09:10
Cam - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG TÂN	CLI	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DUCHENKO A.L.	CLI	68	1	2		125	KH-THAC	Russian
3	KHAVANJAN R.I.	CLI	70-71	2	12		74	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	CLI	85	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	65	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH CÔNG	CLI	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	CLI	59	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	66-67	2	10	100	75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG HAI	CLI	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	53	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	57-58	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI QUỐC HÙNG	CLI	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VỤ	CLI	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	63-64	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN DÂN	CLI	69	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	60-61	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	56	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN DOANH	CLI	62	1	5		65	VIỆT PHẠ	Vietnamese
21	HOÀNG MẠNH THẮNG	CLI	800	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	26	128	1.539	100	22		
TOTAL		21	26	128	1.539	100	22		
WEIGHT KG				128	1.539	100			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2019	TO: CLI - TTC2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Thanh - HIẾU	ETA: 09:15
VANG-1			

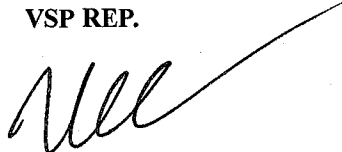
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH TIEN BINH	CLI	72	1	10	20	85	KH-THAC	Vietnamese
2	HO HAI HAU	CLI	52-53	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH THE ANH	CLI	56	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG MINH TAM	CLI	69-70	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TAN HAU	CLI					66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG NGAN	CLI	59	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NHAT MINH	CLI	64-65	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOAN MINH DUY	CLI	67	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BINH	CLI	63	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH HAI	CLI	57-58	2	19		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TA THANH QUANG	CLI	62	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HO TRUNG QUAN	CLI	66	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN HUY	CLI	68	1	17		67	ANTOAN	Vietnamese
14	PHAM DAI PHONG	CLI	54-55	2	8		65	YTE	Vietnamese
15	PHAM XUAN YEN	CLI	75	1	7		75	PSV	Vietnamese
16	LE CAO HAI	CLI	74	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG ANH	CLI	73	1	4		64	PSV	Vietnamese
18	BUI NGOC TAN	CLI	60	1	2		62	PSV	Vietnamese
19	TRAN VAN DAI	CLI	61	1	3		68	PSV	Vietnamese
20	TRAN VAN THUAT	CLI	51	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	HOANG TRONG CHUNG	CLI	71	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

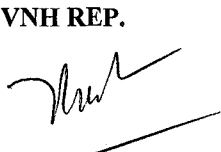
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	25	147	1.471	20	18		
2	TTC2	0	0	0	0	50	4		
TOTAL		21	25	147	1.471	70	22		
WEIGHT KG				147	1.471	70			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

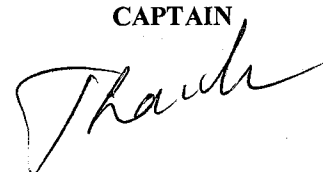
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - BK16 - RC5	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDANOV	CTK3	67	1	4		80	KH-THAC	Russian
2	KOZHURA	CTK3	65-66	2	15		94	KH-THAC	Russian
3	PHAN TAT THANG	CTK3	55	1	3		65	YTE	Vietnamese
4	PHAM HUU TUNG	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese
5	NG. HUY CONG	CTK3	54	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SAU	CTK3	59-60	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUY HA	CTK3	63	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN DU	CTK3	56	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	58	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH DUC	CTK3	61-62	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUU HUAN	CTK3	68	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
12	DINH NHO HOANG	CTK3	64	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	57	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM NGOC KHAN	BK16	26	1	9	50	70	DK DNV	Vietnamese
15	BUI QUANG NINH	BK16	22	1	10		67	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HUNG	BK16	23	1	9		55	D-HANH	Vietnamese
17	PHAM DINH QUYEN	BK16	24-25	2	18		79	D-HANH	Vietnamese
18	HOANG HUU SON	BK16	29-30	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN HUNG	BK16					82	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MINH THANG	BK16	27	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
21	LUU DUC TUAN	BK16	28	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUAN HOA	BK16					68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	15	92	922	0	10	1	CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK16
2	BK16	9	9	64	639	50	5		
3	RC5	0	0	0	0	30	7		
TOTAL		22	24	156	1.561	80	22		
WEIGHT KG				156	1.561	80			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	TO: PPD - TD2 - TD5	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 09:30
NAU-1			

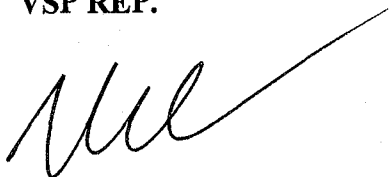
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN DUÂN	PPD	10-11	2	11		65	KHI	Vietnamese
2	PHÙNG PHU SỬA	PPD	03	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	04	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN HAI	PPD	06	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC DUNG	PPD	15	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	08	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					56	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC TRUONG	PPD	09	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH DUY NAM	PPD	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TÂN	PPD	13	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGOC ANH	PPD	05	1	3	60	70	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	12	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ZHDANOV V.N	TD2	96	1	15		115	KHOAN	Russian
15	ĐINH VIỆT DUNG	TD2	93	1	10		56	DVL	Vietnamese
16	VU NGOC TIEN	TD2	92	1	10		73	DVL	Vietnamese
17	VU THANH DUONG	TD2	94-95	2	15		80	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD2	91	1	5		71	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	82-83	2	8	35	86	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

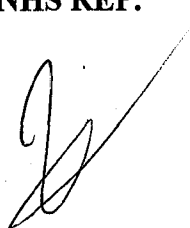
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	13	73	851	60	12		
2	TD2	5	6	55	395	0	6		
3	TD5	1	2	8	86	35	4		
TOTAL		19	21	136	1.332	95	22		
WEIGHT KG				136	1.332	95			

GRAND TOAL: 1.563 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: CTK3 - BK5 - CNV	CREW: Vận - KHOÀN - Trường	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ HUỆ	CTK3				40	74	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH CHUNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	87	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	89	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAM VĂN THANH	CTK3	93,96	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	98	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	90	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TSVETKOV	CTK3	86	1	6		110	KH-THAC	Russian
10	PHẠM TÚ ANH	CTK3	81	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HẠO	CTK3	95	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CANH HUNG	CTK3	84	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3					90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	91	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỮU HÀ	CTK3	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MUỘI	CTK3	88	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	85	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	92	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC CHÂN	CTK3	76	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH NAM	CTK3	97	1	9	38	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	20	107	1.571	78	19		
2	BK5	0	0	0	0	0	2		
3	CNV	0	0	0	0	50	1		
TOTAL		22	20	107	1.571	128	22		
WEIGHT KG				107	1.571	128			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	TO: P3 - P1 - PPD	CREW: TUYỀN - Thanh - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ CHÍ THANH	P3	72	1	10		75	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THANH	P3	73	1	12		80	DVL	Vietnamese
3	LÊ PHÚ PHÚC	P3	69	1	8	73	85	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THỤ	P3	71	1	13		53	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	PPD	84	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG TRI DUNG	PPD	88	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG VĂN TĂNG	PPD	87	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HOAI BAO	PPD	85-86	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ CHÍ KIẾN	PPD	82	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÂM TRỌNG ĐẠI	PPD	81	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	80	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOANG	PPD	75	1	10	98	75	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC MINH	PPD	200	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	83	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	4	43	293	73	3		
2	P1	0	0	0	0	20	4		
3	PPD	10	11	64	703	98	15		
TOTAL		14	15	107	996	191	22		
WEIGHT KG				107	996	191			

GRAND TOAL: 1.294 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: AMD	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 11:30
Hàng 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	21	1	15	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	GUILLERMO ENRIQUE FERNANDEZ AL	AMD	03-04	2	15	90	65	KH-THAC	Spanish
3	HOANG VAN LINH	AMD					66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH HAI	AMD	05	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU ANH HUNG	AMD	15-17	3	12		75	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	11-12	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	14	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	08-09	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	01	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	02	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TĂNG XUÂN HAI (PVDT)	AMD	10	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HUNG	AMD	27	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN KHÁNH	AMD	06-07	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG BA KHỎE	AMD	18-19	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	21	126	1.004	105	22		
TOTAL		15	21	126	1.004	105	22		
WEIGHT KG				126	1.004	105			

GRAND TOAL: 1.235 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	TO: GTC1 - BK16 - CTK3	CREW: Vậ - DUONG - Trường	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV	GTC1				44	72	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN HUU TAN	GTC1	24	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TRUNG KIEN	GTC1	25-26	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAC	GTC1	23	1	14		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BELAIEV	GTC1	22	1	9		85	KH-THAC	Russian
6	TRAN DUC SON	GTC1	28	1	10	40	72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN QUY	GTC1	27	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	N. KHAC THANH CHUNG	GTC1	29	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	21	1	3		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN THAI HOA	CTK3	69	1	9		57	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH CONG	CTK3	75	1	9	57	69	CODIEN	Vietnamese
12	MAI XUAN TUONG	CTK3	74	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
13	PANKRATOV	CTK3	82	1	15		105	ANTOAN	Russian
14	NHAM DIEN BIEN	CTK3	79	1	5		64	NIPi	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	76-78	3	17		68	NIPi	Vietnamese
16	NGUYEN NAM HAI	CTK3	80-81	2	10	30	70	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN DINH HOANG	CTK3	70-72	3	19		62	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYEN CAO KY LUAN	CTK3	66-68	3	14		57	T-TIN	Vietnamese
19	TRAN DINH MINH	CTK3	400	1	5		79	PSV	Vietnamese
20	TRAN VAN CAN	CTK3	99	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	PHAN CONG SAM	CTK3	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	LUONG XUAN THAI	CTK3	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	9	9	66	645	84	5		CHUYEN 3 PAX BK16 SANG CTK3
2	BK16	0	0	0	0	0	0+3		
3	CTK3	13	20	123	896	87	17		
TOTAL		22	29	189	1.541	171	22		
WEIGHT KG				189	1.541	171			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+CLO+TD5	7:25	5+14+1	0+0+0		0+13+8	0+0+0	
2		P4+TD1+BK14	7:25	4+0+16	0+0+0		3+3+16	0+0+0	
3		BK9+RC3+TD1	9:25	7+0+15	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
4		TD3+BK9	9:25	7+13	0+0		2+20	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
BK9 XÂY LẬP ĐỘI CA

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RP3 - CLO - TD5	CREW: Vận - DUONG - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

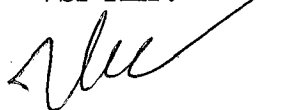
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TU ANH	RP3	62	1	10	7	68	CODIEN	Vietnamese
2	LE TRONG TUYEN	RP3	69-70	2	14		60	CODIEN	Vietnamese
3	PHI DUY HOAN	RP3	66-67	2	10		71	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN VAN MINH	RP3	63	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN THE DU	RP3	65	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
6	VOROBIOV S.L	CLO	46	1	6		98	KHOAN	Russian
7	PHAM VAN LAM	CLO	36	1	13	20	65	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN TRUNG THANH	CLO	32	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LOC	CLO	39	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HUU SON	CLO	40	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC LUAN	CLO	31	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	MAI VAN HOI	CLO	41-42	2	15		71	KHOAN	Vietnamese
13	DO THANH LIEM	CLO	45	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN TAM	CLO	33-35	3	15		61	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH NGOC BINH*PK-PVD	CLO	43-44	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN MINH TUAN	CLO	51	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN THUOC	CLO	47	1	10	20	59	XAYLAP	Vietnamese
18	DUONG DINH DUNG	CLO	38	1	3		73	PSV	Vietnamese
19	DUONG VAN THU	CLO	50	1	4		67	PSV	Vietnamese
20	LUONG THE MINH	TD5				40	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

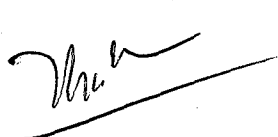
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	7	60	334	7	0		
2	CLO	14	18	125	995	40	13		
3	TD5	1	0	0	65	40	8		
TOTAL		20	25	185	1.394	87	21		
WEIGHT KG				185	1.394	87			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P4 - TD1 - BK14	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	P4	15-16	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	17	1	10	30	67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VŨ	P4	12	1	13	10	70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THAI THÀNH	P4	14	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN HUY TÂN	P4	11	1	6		55	PVE	Vietnamese
6	KLIUZHEV R.V	TD1	06	1	5		110	KHOAN	Russian
7	NGUYỄN VĂN DUNG	TD1	12	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	07	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN MINH	TD1	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	01	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DANH QUÝ	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN HOÀN	TD1	10	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
13	TÔ THANH HAI*PK-PVD	TD1	11	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VĂN DUY	TD1	13	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					60	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN NINH	TD1	04-05	2	8		79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	14	1	5	20	85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	08	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TRI	TD1	02	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD1	15	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	TD1	03	1	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	6	55	354	40	3		
2	TD1	16	15	91	1.181	20	3		
3	BK14	0	0	0	0	40	16		
TOTAL		21	21	146	1.535	100	22		
WEIGHT KG				146	1.535	100			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2019	TO: BK9 - RC3 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHUDAEV	BK9	33	1	9		77	XAYLAP	Russian
2	LE NGOC TUAN	BK9	28	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VAN HOA	BK9	27	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM TAT LUC	BK9	34-35	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC QUANG	BK9	31-32	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN HOAN	BK9	29-30	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
7	LE XUAN TUNG	BK9	36-37	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG MINH SON	TD1	28	1	10	80	74	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU TRIET	TD1	22	1	9		60	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC BAO	TD1	26-27	2	17		80	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN VIET DUNG	TD1	25	1	6		71	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HA	TD1	18	1	8		70	NIPI	Vietnamese
13	ĐAU ĐỨC VÕ HUYNH	TD1	24	1	5		70	NIPI	Vietnamese
14	BUI TUAN THANH	TD1	19	1	5		57	PSV	Vietnamese
15	ĐANG VAN MINH	TD1					60	PSV	Vietnamese
16	ĐANG THE THANH	TD1					69	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN ĐUC HUNG	TD1	17	1	4		77	PSV	Vietnamese
18	ĐOAN DINH TU	TD1	21	1	4		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN SY	TD1					54	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN TAI	TD1	23	1	4		66	PSV	Vietnamese
21	DINH KHAC THACH	TD1					60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN BA HUNG	TD1	20	1	10		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

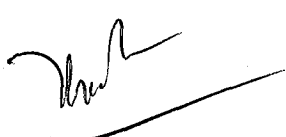
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	7	11	98	519	0	0		
2	RC3	0	0	0	0	45	3		
3	TD1	15	12	82	988	80	19		
TOTAL		22	23	180	1.507	125	22		
WEIGHT KG				180	1.507	125			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

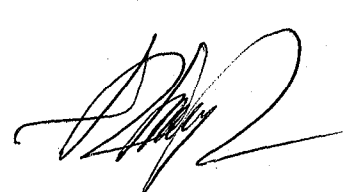
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: TD3 - BK9	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIKOLAYEV G.M	TD3	66	1	10		74	KHOAN	Russian
2	SMAKOV A.A	TD3	67	1	10		78	KHOAN	Russian
3	FILIPPOV N.L	TD3				30	80	KHOAN	Russian
4	ĐANG HUY LONG	TD3	70-71	2	9		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	68	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	PODKATYLIN	TD3	72	1	5		82	VTB	Russian
8	LÊ QUANG HUNG	BK9	24	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN LAM	BK9	99,800	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN PHÚC SANG	BK9	93-94	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY DUƠNG	BK9	89-90	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ CÔNG THỜI	BK9	22-23	2	20	30	60	XAYLAP	Vietnamese
13	NHÂM NGỌC THANH	BK9	97-98	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG ĐỊNH	BK9	06-07	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN KHA	BK9	04-05	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VĂN HỘI	BK9	91-92	2	17		53	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HOÀN	BK9	95	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN VĂN HUYỀN	BK9	88	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
19	VÔ HOANG LAM	BK9	86-87	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN PHI BĂNG	BK9	96	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	7	51	527	30	2		
2	BK9	13	22	219	881	30	20		
TOTAL		20	29	270	1.408	60	22		
WEIGHT KG				270	1.408	60			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN